TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 02 - 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan;
2. Ông Bùi Văn Phục.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày . tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 681/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2024/QĐXXST-HN, ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị D,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Phương Quới A, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Lương Văn S**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Phương Quới A, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Thị D *(Sau đây gọi chị D) trình bày:*

Giữa chị và bị đơn Lương Văn S (Sau đây gọi anh S) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị hay đi nhậu về thì lại có hành vi đánh đập chị, vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, không có tiếng nói chung nên hay cãi vã nhau, đời sống chung không ai quan tâm đến ai, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đoàn tụ được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị Diệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh S.

-Về con chung: Có hai người con chung nhưng có một người đã đủ tuổi trưởng thành, người con kế tiếp tên Lương Thị Tố T (Nữ), sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012. Khi ly thân thì con do anh S nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng con sống với ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Lương Văn S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2024 cháu Lương Thị Tố T trình bày (Có sự chứng kiến của chị D): Từ trước đến nay cháu sống với cha. Khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với cha.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Nguyên đơn chưa phải cấp dưỡng. Về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Lương Văn S được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự này.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, đến ngày 16 tháng 5 năm 2008 có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D: Chị và anh S trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị D trình bày thì anh Sách có hành vi bạo lực gia đình là đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để anh chị được đoàn tụ nhưng anh S vắng mặt, chứng tỏ rằng anh S cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Trong khi đó tại phiên tòa, chị D xác định là không còn tình cảm vợ chồng với anh S và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[5] Về con chung: Không xem xét về quyền nuôi con đối với một người con chung đã đủ tuổi trưởng thành. Riêng cháu Tố Trân do anh Sách nuôi dưỡng. Anh, chị không tranh chấp về quyền nuôi con, cháu Trân có nguyện vọng được sống với cha, chị Diệu cũng đồng ý. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu T, cần tiếp tục giao cháu cho anh S nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị Diệu, anh Sách có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh S vắng mặt nên chưa có yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị D mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về nợ và tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Nguyễn Thị D và Lương Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lương Thị Tố Trân (Nữ), sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012 cho Lương Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị D, anh S có yêu cầu khác.

Nguyễn Thị D chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Nguyễn Thị D mà không ai có quyền cản trở.

3. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007345, ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã Phương Bình, h.Phụng Hiệp, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.